TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST.
Ngày: 21-3-2022.
Về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh;

2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong các ngày 04 và 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2021/QĐXXST-DS, ngày 10/12/2021, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 251, tổ 17, ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 189, tổ 5, ấp H, xã Đ, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1967.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Nguyễn Thị S, là đại diện theo ủy quyền.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị S có mặt, bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị T trình bày: Trong các năm 2016 và 2017, bà T tham gia 04 dây hụi do bà Th làm chủ hụi, cụ thể như sau

Ngày 29/6/2016 (25/5/2016 âm lịch) bà Th mở hai dây hụi, mỗi dây 21 hụi viên, mỗi tháng mở hụi một lần, mỗi lần góp hụi 5.000.000 đồng, bà T tham gia

02 dây hụi, bà T đã góp được 13 lần cho mỗi dây hụi, với số tiền mỗi dây là 47.070.000 đồng, tổng cộng 94.140.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 08/11/2016, 28 hụi viên, mỗi tháng mở hụi một lần, mỗi lần góp hụi 5.000.000 đồng, bà T tham gia 01 chân hụi, bà T đã góp được 9 lần, với số tiền 31.100.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 07/01/2017, 28 hụi viên, mỗi tháng mở hụi một lần, mỗi lần góp hụi 5.000.000 đồng, bà T tham gia 01 chân hụi, bà T đã góp được 7 lần, với số tiền 26.790.000 đồng.

Tổng cộng bà T đã góp hụi cho bà Th là 152.030.000 đồng, chưa hốt hụi. Sau khi bà Th ngừng mở hụi thì Tho có trả cho bà T được 7.000.000 đồng, nên số tiền hụi bà Th còn nợ bà T là 145.030.000 đồng.

Sau khi bà Th không còn tiếp tục mở hụi, trong khoản thời gian trong năm 2017, bà Th nói với bà T là ông T có nợ bà Th tiền hốt hụi chưa đóng là 195.000.000 đồng, nên bà Th nhờ bà T nói với ông T là sẽ nhận tiền từ ông T để ông T làm biên nhận, với nội dung là ông T trả tiền hụi cho bà T 195.000.000 đồng thay cho bà Th, mục đích là để cho bà Th có chứng cứ sau này đòi tiền hụi ông T, nên ông T có làm biên nhận, với nội dung là sẽ trả tiền hụi cho bà T, bà T không đồng ý và cũng không có ký tên vào biên nhận đó, sau đó thì bà T đã trả lại biên nhận cho bà S (Vợ ông T). Do đó, việc bà Th trình bày đã chuyển nghĩa vụ trả tiền hụi sang cho T là không đúng.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả số tiền hụi vốn là 152.030.000 đồng và tiền lãi 2%/tháng, tính từ ngày 25/6/2017 đến ngày 25/11/2020, với số tiền 141.000.000 đồng, tổng cộng 294.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1% cho đến khi trả hết số tiền trên.

Do bà Th đã trả cho bà T được 7.000.000 đồng tiền vốn, nên tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu bà Th trả tiền hụi vốn 145.030.000 đồng, bà T rút lại không yêu cầu bà Th trả tiền lãi 294.000.000 đồng.

- Tại phiên hòa giải ngày 10/62021 và họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/10/2021 bị đơn Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Th thống nhất với lời trình bày của bà T, năm 2016 và 2017 bà Th có mở 04 dây hụi do bà Th làm chủ hụi, bà T có tham gia hụi và đã góp hụi cho bà Th tổng cộng là 152.030.000 đồng như lời trình bày của bà T. Trong thời gian mở hụi thì ông Nguyễn Hữu T là hụi viên trong dây hụi có nợ bà Th tiền hụi 195.000.000 đồng, nên ngày 02/01/2018 giữa bà T, bà Th và ông T thống nhất thỏa thuận, ông T đồng ý trả tiền hụi cho bà T thay cho bà Th, với số tiền 195.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận cho bà T. Do đó bà Th không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu của bà T.

- Tại phiên tòa người liên quan Nguyễn Hữu T (bà Nguyễn Thị S đại diện) trình bày: Năm 2017 ông T có tham gia 02 dây hụi do bà Th làm chủ hụi, không biết bao nhiêu người tham gia hụi, cũng không biết thời hạn góp hụi là bao lâu, ông T đã hốt hụi được 195.000.000 đồng, sau đó do công việc làm ăn thua lỗ nên ông T chưa có tiền đóng hụi cho bà Th. Bà S không nhớ cụ thể ngày, tháng, chỉ nhớ trong năm 2017, bà Th có yêu cầu ông T trả tiền hụi này cho bà T

thay bà Th, ông T cũng đồng ý và có làm biên nhận, với nội dung sẽ trả cho bà T số tiền hụi 195.000.000 đồng, nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả số tiền này, biên nhận chỉ có ông T ký tên, không có bà T ký tên. Bà S đại diện ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T trong vụ án này, tùy Hội đồng xét xử quyết định, ông T đồng ý sẽ trả tiền hụi này cho bà Th hoặc bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện. nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, với bị đơn Nguyễn Thị Th, địa chỉ: tổ 5, ấp H, xã Đ, thành phố L. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà T trình bày, bà Th còn nợ tiền hụi là 145.030.000 đồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Th cũng thống nhất với lời trình bày của bà T, năm 2016 và 2017 bà Th có mở 04 dây hụi do bà Th làm chủ hụi, bà T có tham gia hụi và đã góp hụi cho bà Th tổng cộng là 152.030.000 đồng, nên việc bà T trình bày có góp tiền hụi cho bà Th 152.030.000 đồng là có căn cứ, sau đó bà Th đã trả được 7.000.000 đồng, nên nay bà T yêu cầu bà Th trả số tiền 145.030.000 đồng là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của bà Th:

Theo bà Th trình bày trong thời gian mở hụi thì ông T là hụi viên có nợ bà Th tiền hụi 195.000.000 đồng, nên ngày 02/01/2018 giữa bà T, bà Th và ông T thống nhất thỏa thuận, ông T đồng ý trả cho bà T thay bà Th số tiền 195.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận cho bà T. Do đó bà Th không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T không có ký tên vào biên nhận do ông T viết, bà Th cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh bà T đồng ý chuyển nghĩa vụ trả nợ sang ông T, từ khi ông T làm biên nhận đến nay ông T cũng không trả cho bà T được số tiền nào. Do đó, việc bà Th cho rằng bà T đồng ý nhận tiền hụi từ ông T là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà T rút lại không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần này.

[5] Đối với tiền hụi ông T còn nợ bà Th, trong vụ án này bà Th không có yêu cầu ông T trả, bà Th cũng không có mặt tại phiên tòa, nên không xem xét, khi nào bà Th có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 145.030.000 đồng nên phải chịu án phí 7.251.500 đồng (145.030.000 đồng x

5%), theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị T, đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả tiền lãi 141.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T, yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả số tiền hụi 145.030.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi 145.030.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 7.251.500 đồng, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.350.009 đồng, theo biên lai số 0007705, ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

Đinh Tấn Hiếu